

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/ DS - ST

Ngày: 29/8/2017

V/v: *Kiện đòi tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Gia Thắng

Bà Nguyễn Thị Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh sơn tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2017/ TLST - DS ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc "*Kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST - DS, ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đài T - Sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khu Đề Ngừ, xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Hà Thị S, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Xóm Dón, xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Minh K - Sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Xóm Dón, xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ.

3. Ông Vũ Tiến D, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Xóm Dón, xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ.

(Những người làm chứng đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đài T trình bày: Năm 2015 chị T kết hôn với anh Vũ Ngọc T (con trai bà S, ông K), trước khi kết hôn bố mẹ chị T là ông Nguyễn Văn và bà Nguyễn Thị P có cho chị T 05 chỉ vàng (dạng vòng kiềng) để chị làm của hồi môn, số vàng này khi về nhà chồng chị có đưa cho bà S là mẹ chồng nhờ bà giữ hộ, vì phòng riêng của vợ chồng chị không có khóa để trong phòng sợ mất trộm, bà S cũng có nói đưa cho bà để bà giữ hộ. Khi chị T đưa vàng cho bà S giữ hộ không có biên bản, giấy tờ giao nhận gì mà chỉ nói bằng miệng với nhau vì khi mới về làm dâu chị tin tưởng mẹ chồng, chị đưa cho bà S gồm 01 vòng vàng của bố mẹ chị cho 05 chỉ và 01 vòng vàng bố mẹ chồng chị cho, chị không biết trọng lượng bao nhiêu. Đến năm 2016 chị T và anh T ly hôn không chung sống với nhau nữa, kể từ thời gian vợ chồng mâu thuẫn cho đến khi ly hôn xong chị T có hỏi, gọi điện cho bà S nhiều lần nhưng bà không trả lời, không nói gì về việc trả vàng cho chị, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà S phải trả lại cho chị 05 chỉ vàng mà chị đã nhờ cất hộ khi chị mới về làm dâu. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn là bà Hà Thị S trình bày: Con trai bà là anh Vũ Ngọc T có kết hôn với chị Nguyễn Thị Đài T năm 2015, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn với nhau dẫn đến việc anh chị ly hôn năm 2016. Bà khẳng định khi chị T về làm dâu thì chị T không đưa cho bà 05 chỉ vàng để bà cất giữ hộ như chị đã trình bày, bản thân bà cũng không được cầm hay giữ hộ bất cứ tài sản nào của chị T từ khi chị về làm dâu, khi con bà kết hôn với chị T thì vợ chồng bà cũng có cho chị T 01 vòng vàng 02 chỉ nhưng chị T cũng không đưa cho bà. Nay chị T khởi kiện yêu cầu bà phải trả lại 05 chỉ vàng bà không nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Minh K trình bày: Con trai ông là anh Vũ Ngọc T kết hôn với chị T năm 2015 thì đến năm 2016 vợ chồng anh chị mâu thuẫn nên ly hôn. Việc chị T đòi lại 05 chỉ vàng mà chị cho rằng chị đã đưa cho bà S cất giữ hộ thì ông không biết gì, bản thân ông cũng không được cầm hay giữ hộ bất cứ tài sản gì của chị T từ khi chị về làm dâu ở gia đình ông. Ông K cũng thừa nhận có nói chuyện qua điện thoại với chị T về số vàng mà chị hỏi nhưng ông không biết gì, lúc đó ông đang lái xe nên ông chỉ nói cho qua chuyện để chị T đồng ý ly hôn, cũng thời điểm này vợ chồng anh T chị T đang mâu thuẫn nên ông rất mệt mỏi không muốn nói chuyện, giải quyết vấn đề gì. Mãi sau này ông có hỏi lại bà S về việc chị T hỏi về 05 chỉ vàng mà chị nhờ bà cất giữ hộ thì bà S có nói là chị T không gửi tài sản gì, việc bố mẹ chị T có cho chị T vàng để làm của hồi môn hay không thì ông không biết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, tiến

hành thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 - BLTTDS (Bài phát biểu của Kiểm sát viên được lưu tại hồ sơ).

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai tại phiên tòa, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX áp dụng Điều 166, 346, 554 Bộ luật dân sự chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đài T về việc yêu cầu bà Hà Thị S phải trả lại 05 chỉ vàng cho chị. Buộc bà Hà Thị S phải trả lại số vàng là 05 chỉ cho chị T theo giá thị trường tại thời điểm. Bà Hà Thị S phải chịu án phí Dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 04/4/2017 chị Nguyễn Thị Đài T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị S trả 05 chỉ vàng mà chị đã nhờ bà cất giữ hộ khi chị về làm dâu vào năm 2015. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu các đương sự viết bản tự khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong nội dung cuộc điện thoại giữa ông K với chị T có đề cập đến việc bà S đã đưa vàng mà chị T gửi cho anh T nhưng bà S không thừa nhận việc cầm vàng của chị T, mặt khác chị T chỉ yêu cầu bà S trả vàng mà không cần biết bà S đưa vàng cho ai nên không đưa anh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hiện nay anh T cũng không có mặt tại địa phương.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Chị Nguyễn Thị Đài T khẳng định khi về làm dâu ở gia đình nhà bà S ông K thì khoảng mùng 8/02/2015 chị có đưa cho bà S là mẹ chồng cất giữ hộ 02 vòng vàng, trong đó có 01 vòng vàng 05 chỉ vàng do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị P là bố mẹ đẻ cho chị làm của riêng và 01 vòng vàng do bố mẹ chồng cho. Tại

biên bản lấy lời khai của bà P thì bà cũng thừa nhận có cho chị T 05 chỉ vàng khi chị đi lấy chồng và được trao tại lễ cưới, thời điểm tháng 6 năm 2015 giữa chị và anh T sống ly thân, chị đã nhiều lần hỏi, gọi điện cho bà S để hỏi về số vàng chị nhờ cất giữ hộ nhưng bà S không nghe máy. Chị T có cung cấp cho Tòa án 01 đĩa CD thể hiện cuộc nói chuyện giữa chị T với ông K (chồng bà S) vào ngày 15/7/2015 về việc chị có hỏi ông K về số vàng mà chị đã gửi bà S cất giữ hộ khi về làm dâu, qua nội dung cuộc nói chuyện giữa chị T và ông K đã thể hiện việc bà S có cầm vàng của chị T nhưng bà đã đưa hết cho anh T (chồng đã ly hôn của chị T). Ông K thừa nhận nội dung cuộc điện thoại đã được chị T ghi âm và cung cấp cho Tòa án là có trên thực tế, qua cuộc điện thoại giữa chị T và ông K thì ông K có thừa nhận việc bà S cầm vàng của chị T, việc ông K nói là chỉ trả lời cho qua chuyện và không biết việc chị T được bố mẹ để tặng cho vòng vàng hay không là không thể chấp nhận, lời trình bày như vậy chỉ là nhằm trốn tránh trách nhiệm mà thôi. Việc chị T không có giấy tờ chứng minh việc gửi bà S cầm vàng là lẽ bình thường vì chị T với bà S là mẹ con mà lại là mẹ chồng con dâu, thời điểm gửi vàng là thời điểm chị T mới về làm dâu bên nhà chồng.

Đối với lời khai của những người làm chứng thấy rằng: Những người làm chứng của hai bên đều là quan hệ thân thiết với người có quyền lợi cần được bảo vệ nên không đảm bảo thực sự khách quan, lời khai của ông D và bà C đều không biết cụ thể việc chị T gửi vàng. Tuy nhiên lời khai của bà C là có cơ sở vì bà C là bạn thân của bà P (Mẹ chị T) được dự đám cưới từ đầu và có đi đưa dâu nên xác định có việc bà P trao vòng vàng cho chị T tại lễ cưới, việc này được công khai trước rất nhiều người. Ông Vũ Tiến D là bác chồng của chị T và là Trưởng đoàn họ nhà trai đi đón dâu nhưng ông D lại trình bày rằng không biết việc bố mẹ cô dâu có trao quà cho cô dâu hay không là không thực tế. Trong thời gian chị T anh T mâu thuẫn thì ông K, ông D (anh trai ông K) có lên gia đình bà P để nói chuyện người lớn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T cương quyết ly hôn anh T, nội dung này cũng được ông D và ông K thừa nhận, như vậy vấn đề này lại mâu thuẫn với việc ông K trình bày là muốn chị T chấp nhận ly hôn nên ông nói cho qua chuyện. Tại gia đình nhà bà P thì bà P, chị T có đề cập đến việc chị T có nhờ bà S giữ vàng hộ nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D và ông K xác định chỉ nói là về hỏi bà S xem có cầm của chị T không, nếu có thì bảo bà S trả, lời trình bày như vậy là không khách quan bởi lẽ chị T được bố mẹ để tặng quà khi về nhà chồng hay không thì đương nhiên ông

D và ông K không thể không biết, ông K và bà S là vợ chồng nên ông K nói việc bà S có cầm vàng của chị T hay không là cũng không khách quan.

Như phân tích, nhận định nêu trên thì có cơ sở xác định việc chị T gửi bà S cất giữ vàng, số vàng này là của hồi môn của chị T nên là tài sản riêng của chị T, quan hệ dân sự giữa chị T và bà S là qua hệ gửi giữ tài sản, do đó cần buộc bà S phải có trách nhiệm trả lại 05 chỉ vàng tính bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm xét xử cho chị T là đúng quy định của pháp luật. Vì là hợp đồng gửi giữ nên không buộc ông K cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà S là phù hợp.

[3] *Về án phí dân sự*: Yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 166; Điều 554, 559 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đài T.

Buộc bà Hà Thị S phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị Đài T 05 chỉ vàng, trị giá là 3.580.000đ/01 chỉ = 17.900.000đ (Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho chị T thì bà S còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Buộc bà Hà Thị S phải nộp 895.000đ (Tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Đài T số tiền 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000236 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đề đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Khải